

PHÁT HUY NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO CỦA ĐẢNG TRƯỚC NGÀY TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN TRONG CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Bùi Thị Thu Thủy
Học viện Cảnh sát nhân dân

Tóm tắt: Hơn 80 năm trước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã lật đổ ách thống trị của thực dân, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Tuy nhiên, lực lượng thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam vào tháng 9 năm 1945, mở ra giai đoạn nguy cấp từ khi lập nước đến khi bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc vào tháng 12 năm 1946. Trong thời gian này, mặc dù phải đối mặt với những thử thách gay go, Đảng vừa kháng chiến vừa xây dựng đất nước, chuẩn bị cho một cuộc đấu tranh lâu dài và rút ra được những bài học quý giá, nhất là về ngoại giao.

Từ khóa: Ngoại giao, Đảng Cộng sản Việt Nam.

LEARNING FROM THE EXPERIENCE OF THE PARTY'S FOREIGN POLICY BEFORE THE NATIONAL RESISTANCE WAR IN CURRENT FOREIGN AFFAIRS WORK

Abstract: More than 80 years ago, under the leadership of the Communist Party and President Ho Chi Minh, the Vietnamese people overthrew colonial rule and established the Democratic Republic of Vietnam, the first people's state in Southeast Asia. However, French colonial forces returned to invade Vietnam in September 1945, leading to a critical period from the nation's founding to the outbreak of the nationwide resistance in December 1946. During this time, despite facing extreme challenges, the Party pursued both resistance and nation-building, preparing for a prolonged struggle and gaining valuable lessons, especially in diplomacy.

Keywords: Diplomacy, The Communist Party of Vietnam.

Nhận bài: 10/01/2026

Phản biện: 23/02/2026

Duyệt đăng: 26/02/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cách đây hơn 80 năm, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã vùng lên đấu tranh đập tan xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa đế quốc, lập nên nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa - nhà nước của nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Song không từ bỏ dã tâm xâm lược, ngày 23/09/1945, thực dân Pháp quay trở lại đánh chiếm Sài Gòn, mở đầu cho cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. Có thể nói, từ những ngày đầu thành lập nước cho đến Ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ (19/12/1946) là giai đoạn đặc biệt trong lịch sử cách mạng nước ta. Trong lúc chính quyền cách mạng non trẻ ở tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, với nguyên tắc “đi bất biến, ứng vạn biến”, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, chuẩn bị lực lượng cho một cuộc kháng chiến lâu dài. Qua đó, đã để lại cho Đảng những bài học kinh nghiệm hết sức quý báu, đặc biệt là trong công tác đối ngoại giai đoạn hiện nay.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Chính sách ngoại giao của Đảng trước ngày Toàn quốc kháng chiến

Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng

hoà. Tuy nhiên, niềm vui độc lập chưa được bao lâu thì với dã tâm thôn tính nước ta một lần nữa, ngày 23/9/1945, thực dân Pháp với sự trợ giúp của quân đội Anh đã gây hấn ở Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai.

Trước tình thế này, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ Việt Nam đã có những nỗ lực cao nhất nhằm mục tiêu đẩy lùi chiến tranh, giữ vững hòa bình. Song mọi nỗ lực đó đều bị thực dân Pháp cự tuyệt, chúng liên tiếp có những hành động chống phá, châm ngòi lửa chiến tranh ở Việt Nam.

Ngày 06/3/1946, Chính phủ ta chấp nhận ký với Pháp bản Hiệp định sơ bộ. Theo đó, 15.000 quân Pháp ra miền Bắc Việt Nam thay thế cho 180.000 quân Tưởng giải giáp khí giới quân đội Nhật và số quân này phải rút hết trong 5 năm. Song Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 chưa ráo mực, phía Pháp đã tìm mọi cách phá hoại. Trước sức ép của dư luận Pháp, sự phản đối mạnh mẽ của nhân dân Việt Nam và đường lối đối ngoại sáng suốt, khôn khéo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chính phủ Pháp buộc phải chấp nhận đàm phán chính thức với Việt Nam và mời Chủ tịch Hồ Chí Minh

sang thăm nước Pháp với tư cách là thượng khách. Nhưng để đến được hội nghị chính thức, Pháp còn bày ra chuyện họp hội nghị trừ bị ở Đà Lạt mà Hiệp định sơ bộ không quy định.

Hội nghị trừ bị họp ở Đà Lạt (19/4 - 10/5/1946) không đạt kết quả nào do phía Pháp không chịu ngừng bắn. Ngày 31/5/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Phái đoàn Chính phủ ta do đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn đầu vẫn lên đường sang thăm chính thức và đàm phán với Chính phủ Pháp. Cuộc đàm phán được bắt đầu ngày 6/7/1946 ở lâu đài Fontainebleau nhưng không đạt được kết quả nào do thái độ thiếu thiện chí của phía Pháp. Tình hình đó đặt ra hai khả năng: Hoặc là đoàn ta về nước mà không có bất cứ thỏa thuận nào; hoặc tạm thời nhân nhượng thêm một bước về những vấn đề không vi phạm độc lập, chủ quyền quốc gia, tiếp tục duy trì tình hình hòa hoãn, dù rất mong manh với Chính phủ Pháp, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân Pháp và thế giới. Sau những trăn trở, cân nhắc, Hồ Chủ tịch đã đi một nước cờ táo bạo: Ngày 14/9/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với Bộ trưởng Bộ Pháp quốc hải ngoại Moutet bản Tạm ước Việt-Pháp, gồm 11 điều khoản, có hiệu lực từ ngày 30/10/1946. Đây là một quyết định ngoại giao kịp thời, đúng đắn, khai thác được những khả năng ít ỏi nhất nhằm duy trì được điều kiện hòa hoãn với chính quyền Pháp. Nhờ đó, ta có thêm khoảng thời gian 3 tháng cực kỳ quý giá để chuẩn bị cho một cuộc đụng đầu không cân sức, không thể tránh khỏi với thực dân Pháp.

Tuy đã ký và cam kết thực hiện Tạm ước 14/9/1946, song với dã tâm muốn tái chiếm Việt Nam, quân Pháp lại tiếp tục kiểm soát gây hấn tại Hải Phòng và Lạng Sơn trong tháng 11/1946. Đặc biệt, ngày 18/12/1946, Pháp gửi cho Chính phủ Việt Nam tối hậu thư thứ nhất, tự cho mình quyền đem quân đến chiếm đóng một số địa điểm xung yếu ở Hà Nội. Chiều cùng ngày, chưa cần biết ta có chấp nhận hay không, chúng đã điều quân tới chiếm giữ, đóng sẵn lều trại. Cũng chiều 18/12, quân Pháp gửi cho ta tối hậu thư thứ hai, trắng trợn vu cáo rằng công an thành phố Hà Nội “không làm tròn nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự”, và đe dọa “Quân đội Pháp sẽ tự mình đảm nhiệm việc trị an ở Hà Nội”. Sáng sớm hôm sau, chúng gửi tối hậu thư thứ ba đòi phía ta phải tước vũ khí của tự vệ tại Hà Nội, phải đình chỉ mọi hoạt động chuẩn bị kháng chiến, phải trao cho Quân đội Pháp việc duy trì an ninh trong Thành phố.

Trước tình hình đó, Đảng và Chính phủ ta không thể nhân nhượng nữa, nhân nhượng nữa sẽ dẫn tới họa mất nước, nhân dân Việt Nam lại phải quay về với cuộc sống nô lệ. Đêm ngày 19/12/1946, rạng sáng ngày 20/12/1946, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh được phát đi trên Đài Tiếng nói Việt Nam. Trong đó khẳng định: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa. Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ. Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên”.

Lời kêu gọi đó như tiếng gọi của non sông đất nước, thôi thúc muôn triệu người dân Việt Nam nhất tề xông tới với lời thề “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh”. Có thể nói, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến là một tuyên bố cương quyết thể hiện ý chí sắt đá của dân tộc Việt Nam bảo vệ độc lập dân tộc, không chịu khuất phục cường quyền, không chịu quay trở lại kiếp nô lệ. Quyết định này được đưa ra sau hàng loạt nỗ lực ngoại giao đầy thiện chí của Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa trong giai đoạn 19/8/1945-19/12/1946 bị phía Pháp đáp lại bằng thái độ thực dân ngạo mạn, hiếu chiến.

Mặc dù, để cứu vãn hoà bình, Đảng và Chính phủ ta đã phải nhân nhượng với thực dân Pháp. Nhưng trên thực tế, sự nhân nhượng này là cần thiết để phía ta có thêm thời gian để chuẩn bị lực lượng, vừa kháng chiến để phân hoá hàng ngũ kẻ thù, tập trung ngọn lửa vào kẻ thù quan trọng nhất; vừa kiến quốc khắc phục nạn đói, nạn dốt, xây dựng chính quyền.

2.2. Bài học ngoại giao trong công tác đối ngoại giai đoạn hiện nay

Sau hơn 80 năm, và nhất là sau 40 năm đổi mới, thế và lực của đất nước ta đã mạnh hơn trước. Tuy nhiên, tình hình thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp và khó lường. Trên thế giới và ở khu vực, xung đột vũ trang, tranh chấp tài nguyên, chủ quyền lãnh thổ, biên đảo, xung đột sắc tộc, tôn giáo, hoạt động can thiệp, lật đổ, ly khai, khủng bố tiếp tục gia tăng. Cục diện thế giới đa cực ngày càng rõ nét, theo đó các nước lớn vừa hợp tác, vừa đấu tranh, cạnh tranh kiềm chế lẫn nhau ngày càng gay gắt. Bên cạnh đó, các thách thức an ninh phi truyền thống, đặc biệt là thiên tai, khủng bố, an ninh mạng, ngày càng phức tạp hơn.

Trong bối cảnh đó, những bài học kinh nghiệm đối ngoại của giai đoạn 1945-1946 càng cần phải được quán triệt và phát huy. Cụ thể trên một số mặt sau:

Thứ nhất, đó là ngoại giao phải luôn xác định, quán triệt nguyên tắc vì lợi ích quốc gia-dân tộc. Trải qua quá trình đấu tranh cách mạng, Đảng ta ngày càng xác định rõ nguyên tắc vì lợi ích quốc gia-dân tộc trong hoạt động đối ngoại. Tại Đại hội XI, Đảng ta lần đầu tiên đưa mục tiêu đối ngoại “vì lợi ích quốc gia, dân tộc” trong phần đối ngoại của Cương lĩnh và Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đảng. Trong văn kiện Đại hội XII, Đảng ta đã xác định rõ, mục tiêu tối thượng là bảo đảm lợi ích quốc gia-dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi. Bảo đảm lợi ích quốc gia-dân tộc là nguyên tắc mà tất cả các hoạt động đối ngoại, từ ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Đảng và đối ngoại nhân dân đều phải tuân thủ. Đại hội XIV của Đảng tiếp tục khẳng định: Bảo đảm, bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc trên cơ sở luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc...

Thứ hai, tiếp tục vận dụng khéo léo phương châm “dĩ bất biến, ứng vạn biến”, kiên trì về nguyên tắc nhưng linh hoạt về sách lược và bước đi. Trong quan hệ với các nước đối tác, ta có thể vận dụng nguyên tắc này để nâng cao hiệu quả hợp tác, đưa quan hệ vào chiều sâu và tạo tình thế đan xen lợi ích. Chúng ta kiên trì thực hiện định hướng phát triển quan hệ với từng nước, nhưng không ngừng đổi mới và linh hoạt trong cách triển khai, nhất là với các nước láng giềng như: Lào, Campuchia, các nước ASEAN, các nước lớn như Trung Quốc, Hoa Kỳ, các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện.

Thứ ba, vận dụng phương châm “kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại”. Hiện nay và sắp tới, ngoại giao cần chú trọng tiếp tục tăng cường tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế nhằm củng

cố nội lực, tận dụng mọi cơ hội cho phát triển, phát huy “sức mạnh mềm,” nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam để phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đẩy mạnh quan hệ với các đối tác trên các kênh đối ngoại Đảng, Nhà nước, nhân dân; trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị-ngoại giao, quốc phòng, an ninh, văn hóa, xã hội, giáo dục-đào tạo, khoa học-công nghệ...

Thứ tư, phát huy cao độ tính chủ động, tích cực của ngoại giao Hồ Chí Minh. Chỉ có chủ động, tích cực mới giúp nâng cao vai trò của Việt Nam, có điều kiện thuận lợi để bảo vệ lợi ích của Việt Nam và đương đầu với mọi tình huống cạnh tranh hoặc hợp tác thỏa hiệp giữa các nước lớn. Do đó, ngoại giao cần chủ động, tích cực thực hiện hiệu quả chủ trương đưa quan hệ với các nước vào chiều sâu; tích cực hội nhập quốc tế; chủ động và tích cực đóng góp xây dựng định hình các thể chế đa phương, nhất là trên các diễn đàn ASEAN, Liên hợp quốc, APEC, ASEM, hợp tác tiểu vùng Mê Công v.v.; từng bước tích cực tham gia đóng góp vào nỗ lực của cộng đồng quốc tế trong việc ứng phó với các thách thức chung toàn cầu.

III. KẾT LUẬN

Hơn 80 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngoại giao Việt Nam đã lập nên nhiều thành tích vẻ vang. Bối cảnh ngày nay đã khác so với những ngày đầu lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa; nhưng những bài học ngoại giao trong giai đoạn lịch sử trước Toàn quốc kháng chiến vẫn còn nguyên giá trị. Đó là cơ sở để chúng ta có niềm tin rằng ngoại giao tiếp tục phát huy vai trò và sứ mệnh là một trong những mặt trận hàng đầu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 7*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 8*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 9*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử, 1993, Tập 3.
 Phạm Bình Minh (chủ biên), *Đường lối chính sách đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.